**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP HP2**

**BÀI 1**: **CHIẾN LƯỢC “DBHB”, BLLĐ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH CHỐNG PHÁ CNXH**

**Câu 1: Đâu là nội dung của mục tiêu phòng chống “Diễn biểu hoà bình”, bạo loạn lật đổ?**

1. Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa
2. Bảo vệ sản xuất và tính mạng của nhân dân
3. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc
4. Bảo vệ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 2: **Chủ nghĩa đế quốc coi chiến lược “Diễn hiến hòa bình” là gì?**

1. Là chiến lược chủ yếu
2. Là chiến lược lâu dài
3. Là chiến lược cơ bản
4. Là chiến lược trước mắt

Câu 3: Trong **thủ** đọan **“Diễn biến hoà bình”, kẻ thù triệt để lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng** của **ta để nhằm mục đích gì?**

1. Truyền đạo trái phép, tập hợp lực lượng **chống** phá Đảng, Nhà nước
2. Truyền đạo trái phép và tư tưởng chống đối
3. Truyền đạo trái phép và tập hợp lực lượng để chống phá cách mạng
4. Truyền đạo trái phép và tổ chức lực lượng khủng bố

Câu 4: **Trong thủ đoạn “Diễn biến hoà bình”, kẻ thù triệt để khai thác các mâu thuẫn giữa các dân tộc để nhằm mục đích gì?**

1. Chia rẽ đoàn kết, tạo dựng mâu thuẫn mới, gây khó khăn về kinh tế cho nhân dân các dân tộc.
2. Chia rẽ giữa dân tộc này với dân tộc khác, tạo ngọn cờ để lật đổ chính quyền địa phuơng
3. Kích động tự tưởng đòi li khai, tự quyết dân tộc
4. Kích động lòng hận thù giữa dân tộc này với dân tộc khác, gây ra chiến tranh sắc tộc

Câu 5: **Quan hệ giữa “Diễn biến hoà bình” và bạo loạn lật đổ như thế nào?**

1. Diễn biến bình hòa là quá trình tạo nên những điều kiện, thời cơ cho bạo loạn lật đổ
2. Diễn biện hòa bình là nguyên nhân của bạo loạn lật đổ
3. Diễn biến hòa bình và bạo loạn lật đổ là hai thủ đoạn có mục đích khác nhau
4. Diễn biến hòa bình là quá trình tạo nên những điều kiện, thời cơ đề kẻ thù tiến hành chiến tranh xâm lược.

Câu 6: **Kẻ thù thực hiện thủ đoạn về kinh tế trong “Diễn biến hòa bình” nhằm mục đích gì?**

1. Gây sức ép về chính trị
2. Gây sức ép về kinh tế, quân sự
3. Tạo sức ép để biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hóa cho chủ nghĩa tư bản
4. Tạo sức ép để bao vây cấm vận kinh tế

Câu 7: **Thủ đoạn “tôn giáo hóa dân tộc” trong “Diễn biến hòa bình” nhằm mục đích gì?**

1. Tạo dựng lực lượng, xây dựng ngọn cờ để chống lại Nhà nước ta.
2. Gây mất ổn định xã hội và làm chệch hướng chế độ xã hội chủ nghĩa
3. Tạo lực lượng phản động núp bóng tôn giáo
4. Tạo dựng lực lượng phản động gây bạo loạn ở địa phương

Câu 8: **Đâu là phương châm chỉ đạo trong phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình?**

1. Phát huy sức mạnh độc lập của các lực lượng trên địa bàn đấu tranh toàn diện.
2. Xây dựng tiềm lực quân sự vững mạnh
3. Củng cố và phát huy sức mạnh của các lực lượng vũ trang và an ninh nhân dân.
4. Xây đựng sức mạnh tổng hợp của các lực lượng đứng chân trên địa bàn

Câu 9: **Để góp phần làm thất bại chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của kẻ thù. Mục tiêu đầu tiên là gì?**

1. Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc
2. Giữ vững ổn định chính trị xã hội của đất nước
3. Bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc
4. Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an loàn xã hội và nền văn hóa

Câu 10: **Để chống phá ta về tôn giáo kẻ địch lợi dụng vấn đề gì?**

1. Triệt để lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng của ta
2. Triệt để lợi dụng chính sách bình đẳng, dân chủ, tự do của ta
3. Triệt để lợi dụng, khai thác yếu tố mê tín dị đoan
4. Triệt để lợi đụng các cơ sở thờ tự của tôn giáo

**Câu 11: Một trong những nội dung kẻ thù thực hiện chống phá ta về chính trị:**

1. Chia rẽ nội bộ, kích động gây rối loạn các tổ chức trong xã hội.
2. Phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân của các tổ chức chính trị.
3. Kích động đòi thực hiện chế độ “đa nguyên chính trị, đa Đảng đối lập”.
4. Cô lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước XHCN với quân đội và nhân dân.

**Câu 12: Bạo loạn lật đổ gồm có những hình thức nào:**

1. Bạo loạn chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang và gây rối.
2. Bạo loạn vũ trang kết hợp với bạo loạn chính trị và gây rối.
3. Bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang, kết hợp bạo loạn chính trị với vũ trang.
4. Bạo loạn chính trị kết hợp với gây rối và vũ trang.

**Câu 13: Một trong những thủ đoạn chống phá trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh:**

1. Đòi phi chính trị hóa đối với lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam.
2. Đòi phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.
3. Đòi tách quân đội, công an với các tổ chức chính trị xã hội khác.
4. Đòi quân đội và công an là lực lượng trung lập, tách rời sự lãnh đạo của đảng.

**Câu 14: "Diễn biến hoà bình" là gì?**

1. Là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ chính quyền của các nước từ bên trong bằng biện pháp phi vũ trang.
2. Là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, từ bên trong bằng biện pháp phi quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.
3. Là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ của các nước tiến bộ, từ bên trong bằng biện pháp quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.
4. Là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ chính quyền của các nước từ bên trong bằng biện pháp phi vũ trang do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.

**Câu 15: Mục tiêu của các thế lực thù địch thực hiện “Diễn biến hòa bình”** **chống phá cách mạng Việt Nam:**

1. Xóa bỏ nhà nước XHCN và buộc ta chấp nhận điều kiện của chúng.
2. Xóa bỏ chế độ XHCN, chuyển hóa nước ta theo con đường tư bản chủ nghĩa.
3. Xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xóa bỏ chế độ XHCN.
4. Xóa bỏ sự lãnh đảo của Đảng và buộc ta lệ thuộc vào chúng.

**Câu 16: Nội dung chính của chiến lược "Diễn biến hoà bình" là kẻ thù sử dụng thủ đoạn phá hoại nào, làm suy yếu từ bên trong các nước:**

1. Kinh tế, tư tưởng, văn hóa, xã hội, đối ngoại, an ninh
2. Đối ngoại, an ninh, kinh tế, chính trị.
3. Đối ngoại, an ninh, kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội.
4. Chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, đối ngoại, an ninh.

**Câu 17: Một trong những nội dung kẻ thù lợi dụng để chống phá cách mạng Việt Nam về vấn đề dân tộc là:**

1. Lợi dụng các hủ tục lạc hậu của đồng bào dân tộc để kích động.
2. Lợi dụng các mâu thuẫn giữa các dân tộc do nhiều nguyên nhân gây ra.
3. Lợi dụng tư tưởng đòi li khai, tự quyết dân tộc để kích động.
4. Lợi dụng các mẫu thuẫn của đồng bào dân tộc để kích động.

**Câu 18: Chống phá ta về tư tưởng-văn hoá trong chiến lược “Diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ nhằm:**

1. Xóa bỏ chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Phá hoại, xuyên tạc đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta.
3. Phá hoại nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng và Nhà nước
4. Phá hoại sự đoàn kết của toàn đảng, toàn quân, toàn dân.

**Câu 19: Mục đích thủ đoạn chống phá về kinh tế của các thế lực thù địch đối với nước ta là gì?**

1. Chuyển hóa nền kinh tế Việt Nam, gây sức ép chính trị, cấm viện trợ, chuyển giao công nghệ.
2. Khích lệ kinh tế nhà nước phát triển trở thành thành phần kinh tế chủ đạo.
3. Chuyển hóa nền kinh tế Việt Nam theo quỹ đạo kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.
4. Ngăn cản sự giúp đỡ, viện trợ, chuyển g iao công nghệ của các nước để gây sức ép chính trị.

**Câu 20: Các thế lực thù địch "Lợi dụng vấn đề tôn giáo – dân tộc"để chống phá ta như thế nào?**

1. Triệt để lợi dụng, dân chủ, tự do của ta để tuyên truyền xuyên tạc.
2. Lợi dụng chính sách bình đẳng, tự do dân chủ của ta.
3. Lợi dụng những sai sót, sơ hở của Đảng và nhà nước ta để vu cáo
4. Lợi dụng chính sách tự do tôn giáo của Đảng, Nhha2 nước ta để truyền đạo trái phép.

**BÀI 2:** **MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM.**

**Câu 1: Dân tộc là gì?**

A. Dân tộc là một cộng đồng người ổn định, hình thành trong lịch sử tạo lập một quốc gia, trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hóa, đặc điểm tâm lí, ý thức về dân tộc và tên gọi của dân tộc.

B. Dân tộc là một cộng đồng người hình thành trong lịch sử tạo lập một quốc gia, trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hóa và tên gọi của dân tộc.

C. Dân tộc là một cộng đồng người ổn định, trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hóa, đặc điểm tâm lí, ý thức về dân tộc và tên gọi của dân tộc.

D. Dân tộc là một cộng đồng người ổn định, hình thành trong lịch sử tạo lập một quốc gia, trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống.

**Câu 2: Việt Nam có bao nhiêu dân tộc anh em?**

A. 54

B. 52

C. 53

D. 55

**Câu 3: Dân tộc được hiểu theo nghĩa cộng đồng quốc gia dân tộc là gì?**

A. Là một cộng đồng chính trị - xã hội, được chỉ đạo bởi một nhà nước, thiết lập trên một lãnh thổ chung.

B. Là một cộng đồng chính trị - xã hội.

C. Là một cộng đồng được chỉ đạo bởi một nhà nước, thiết lập trên một lãnh thổ chung.

D. Là một cộng đồng chính trị - xã hội, được thiết lập trên một lãnh thổ chung.

**Câu 4: *“Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, không phân biệt lớn, nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên mọi lĩnh vực”.* Là quan điểm của ai?**

A. V.I.Lênin

B. Mac-Lênin

C. Ph.Angghen

D. Hồ Chí Minh

**Câu 5: Giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của V.I.Lenin là?**

A. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp giai cấp công nhân tất cả các dân tộc.

B. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết.

C. Các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp giai cấp công nhân tất cả các dân tộc.

D. Liên hiệp giai cấp công nhân tất cả các dân tộc.

**Câu 6: Quyền dân tộc tự quyết là gì?**

A. Quyền tự do quyết định về chính trị, con đường phát triển của dân tộc mình, quyền tự do phân lập thành quốc gia riêng và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác.

B. Quyền tự do quyết định về chính trị, con đường phát triển của dân tộc mình.

C. Quyền tự do quyết định về chính trị, quyền tự do phân lập thành quốc gia riêng.

D. Quyền tự do quyết định con đường phát triển của dân tộc mình, quyền tự do phân lập thành quốc gia riêng và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác.

**Câu 7: Đặc điểm nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở Việt Nam?**

A. Các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó xây dựng quốc gia dân tộc thống nhất.

B. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán và xen kẽ.

C. Các dân tộc ở Việt Nam có quy mô dân số và trình độ phát triển không đồng đều.

D. Các dân tộc ở Việt Nam đều có sắc thái văn hóa riêng.

**Câu 8: Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay là gì?**

A. Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

B. Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

C. Thực hiện chính sách tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

D. Thực hiện chính sách đoàn kết, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

**Câu 9: Đặc điểm các dân tộc thiểu số ở Việt Nam là?**

A. Cư trú phân tán và xen kẽ trên địa bàn rộng lớn.

B. Cư trú ở nông thôn.

C. Cư trú trên địa bàn trung du

D. Cư trú ở cao nguyên.

**Câu 10: Đặc điểm của các dân tộc ở Việt Nam là:**

A. Có quy mô dân số và trình độ phát triển không đồng đều.

B. Có quy mô dân số và trình độ phát triển đồng đều.

C. Có quy mô dân số và trình độ phát triển bền vững.

D. Có trình độ phát triển không đồng đều.

**Câu 11: Giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của Hồ Chí Minh là?**

1. Liên hiệp giai cấp công nhân tất cả các dân tộc.
2. Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển đi lên con đường ấm no, hạnh phục
3. Bình đẳng, đoàn kết, ton trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển
4. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết

**Câu 12: Nguồn gốc của tôn giáo bao gồm các yếu tố nào?**

1. Yếu tố kinh tế - xã hội; yếu tố nhận thức; yếu tố tâm lý.
2. Yếu tố nhận thức; yếu tố tâm lý; yếu tố thời đại.
3. Yếu tố kinh tế - xã hội; yếu tố nhận thức; yếu tố tâm linh
4. Yếu tố kinh tế - xã hội; yếu tố tâm lý; yếu tố con người

**Câu 13: Khái niệm tôn giáo là gì?**

1. Tôn giáo là một hình thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, theo quan niệm hoang đường.
2. Tôn giáo phản ánh hiện thực khách quan, ảo tưởng phù hợp với tâm lý, hành vi của con người.
3. Tôn giáo là một hình thức xã hội theo quan niệm hoang đường, ảo tưởng phù hợp với tâm lý, hành vi của con người.
4. Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, theo quan niệm hoang đường, ảo tưởng phù hợp với tâm lý, hành vi của con người.

**Câu 14: Trong đời sống xã hội, tôn giáo là một cộng đồng xã hội với các yếu tố:**

1. Hệ thống giáo lý - nghi lễ; tín đồ; cơ sở vật chất; hoạt động truyền giáo.
2. Hệ thống giáo lý; cơ sở vật chất; hoạt động truyền giáo,
3. Hệ thống giáo lý - nghi lễ; tín đồ
4. Nghi lễ; tín đồ; cơ sở vật chất.

**Câu 15: Tôn giáo có những tính chất gì?**

1. Tính quần chúng, tính chính trị, tính nhân văn
2. Tính lịch sử, tính quần chúng, tính chính trị.
3. Tính lịch sử, tính chính trị, tính xã hội
4. Tính quần chúng, tính chính trị. tính khoa học

**BÀI 3 PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.**

**1. Bảo vệ môi trường là gì?**

A. Là hoạt động khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

B. Là hoạt động khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

C. Là hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

D. Là hoạt động ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

**2. Bảo vệ môi trường là nội dung như thế nào trong đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta?**

A. Rất quan trọng.

B. Vô cùng quan trọng.

C. Cơ bản không thể tách rời.

D. Quan trọng.

**3. Đâu là quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường?**

1. Pháp luật hướng đến giữ gìn môi trường luôn trong lành.
2. Pháp luật lấy xử lý vi phạm làm nguyên tắc chủ đạo, kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên; phát huy năng lực nội sinh, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.
3. Pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
4. Pháp luật về phòng ngừa và ngặn chặn làm nguyên tắc chủ đạo, kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; phát huy năng lực nội sinh, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

**4. Pháp luật bảo vệ môi trường là gì?**

A. Là hệ thống các văn bản pháp luật quy định những quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành nhằm giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

B. Là hệ thống các văn bản pháp luật quy định những quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

C. Là hệ thống các văn bản pháp luật quy định những quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành.

D. Là hệ thống các văn bản pháp nhằm giữ môi trường trong lành.

**5. Mục đích của pháp luật về bảo vệ môi trường là gì?**

A. Nhằm giữ môi trường luôn sạch sẽ.

B. Nhằm giữ môi trường luôn không bị ô nhiễm.

C. Nhằm giữ môi trường luôn Xanh – Sạch – Đẹp.

D. Nhằm giữ môi trường trong lành.

**6. Pháp luật có vai trò như thế nào trong công tác bảo vệ môi trường?**

A. Quan trọng.

B. Rất quan trọng.

C. Cơ bản quan trọng.

D. Vô cùng quan trọng.

**7. Môi trường bị hủy hoại chủ yếu là do vấn đề gì?**

A. Do nhiều yếu tố tạo thành, cả tự nhiên và nhân tạo.

B. Do con người khai thác quá mức nguồn tài nguyên.

C. Do con người thờ ơ với với việc bảo vệ môi trường.

D. Sự “tác động quá mức” của con người đối với các thành phần cấu tạo nên môi trường tự nhiên

**8. Trong công tác bảo vệ môi trường pháp luật có vai trò gì?**

A. Pháp luật quy định những quy tắc xử sự mà con người phải thực hiện khi khai thác và sử dụng các yếu tố (thành phần) của môi trường. Pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tố chức, cá nhân tham gia bảo vệ môi trường.

B. Pháp luật xây dựng hệ thống các quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường để bảo vệ môi trường. Giải quyết các tranh chấp liên quan đến bảo vệ môi trường.

C. Phát luật quy định các chế tài hình sự buộc các cá nhân, tố chức phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu đòi hòi pháp luật trong việc khai thác, sử dụng các yếu tố của môi trường.

D. Phát luật quy định các chế dân sự buộc các tố chức phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu đòi hòi pháp luật trong việc khai thác, sử dụng các yếu tố của môi trường.

**9. Đâu là quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường?**

A. Pháp luật lấy xử lý vi phạm làm nguyên tắc chủ đạo, kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên; phát huy năng lực nội sinh, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

B. Pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

C. Pháp luật hướng đến giữ gìn môi trường luôn trong lành.

D. Pháp luật về phòng ngừa và ngặn chặn làm nguyên tắc chủ đạo, kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; phát huy năng lực nội sinh, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

**10. Tội phạm môi trường là gì?**

A. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, xâm phạm đến các thành phần của môi trường làm thay đổi trạng thái, tính chất của môi trường gây ảnh hưởng xấu tới sự tồn tại, phát triển con người và sinh vật, mà theo quy định phải bị xử lý hình sự.

B. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự.

C. Là hành vi xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

D. Là hành vi làm thay đổi trạng thái, tính chất của môi trường gây ảnh hưởng xấu tới sự tồn tại, phát triển con người và sinh vật, mà theo quy định phải bị xử lý hình sự.

**11: Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là gì?**

1. Là những việc làm vi phạm các quy định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do các cá nhân, tố chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm, theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính.
2. Là những hành động vi phạm các quy định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do các cá nhân, tố chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm, theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính.
3. Là những hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do các cá nhân, tố chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm, theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính.
4. Là những hành vi, hành động, việc làm vi phạm các quy định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do các cá nhân, tố chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm, theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính.

**12: Đâu là nguyên nhân, điều kiện khách quan của vi phạm pháp luật về môi trường?**

1. Công tác quản lý nhà nước về môi trường còn hạn chế. Hệ thống văn bản pháp luật về môi trường hiện nay đang trong giai đoạn bổ sung.
2. Áp lực tăng trưởng kinh tế, các cá nhân, tổ chức mới chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế trước mắt, chưa chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường.
3. Áp lực tăng trưởng kinh tế, các nhà đầu tư nước ngoài chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế trước mắt, chưa chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường
4. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành nhiều chính sách ưu đãi để phát triển kinh tế mà không quan tâm đến bảo vệ môi trường.

**13: Sinh viên có trách nhiệm như thế nào trong tham gia phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường?**

1. Tham gia các phong trào về bảo vệ môi trường, hạn chế sử dụng các phương tiện giao thông cá nhân để bảo vệ môi trường không khí;
2. Ý thức thức trách nhiệm với môi trường như sống thân thiện với môi trường xung quanh; tích cực trồng cây xanh; tham gia thu gom rác thải tại nơi sinh sống và học tập.
3. Xây dựng ý thức trách nhiệm trong các hoạt động bảo vệ môi trường như sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên.
4. Nắm vững các quy định của pháp luật phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Xây dựng ý thức trách nhiệm trong các hoạt động bảo vệ môi trường như sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên (nước, năng lượng,.);

Bài 4: **PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG**

**Câu 1: Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là gì?**

A. Một bộ phận bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành.

B. Một bộ phận của hệ thống pháp luật bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành.

C. Một bộ phận của hệ thống pháp luật hành chính nhà nước, bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành.

D. Một bộ phận của hệ thống hành chính nhà nước, bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành.

**Câu 2: Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông nhằm điều chỉnh** **các quan hệ nào?**

A. Các quan hệ xã hội phát sinh trong tổ chức, thực hiện hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trên lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

B. Các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trên lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

C. Các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động chấp hành của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trên lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

D. Các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trên lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông***.***

**Câu 3. Vai trò của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là gì?**

A. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là ý chí của Nhà nước để chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

B. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là ý chí để chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

C. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là ý chí của Bộ công an để chỉ đạo tổ chức thực hiện bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

D. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là ý chí của toàn dân để chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

**Câu 4. pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông có vai trò gì?**

A. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là là điều kiện, công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự, an toàn xã hội.

B. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là cơ sở, công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự, an toàn xã hội.

C. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là cơ sở quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự, an toàn xã hội.

D. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là cơ sở, điều kiện công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự, an toàn xã hội.

**Câu 5:** Người điều khiển xe máy chỉ được chở 2 người trong trường hợp nào sau đây?

A. Chở người bệnh đi cấp cứu.

B. Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật.

C. Chở trẻ em dưới 14 tuổi.

D. Cả 3 (A, B, C)

**Câu 6: Người tham gia giao thông đường bộ gồm những người nào?**

A. Người chạy, người được chở trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ; người điều khiển, dẫn dắt súc vật; người đi bộ trên đường bộ.

B. Người điều khiển, người được chở trên phương tiện đường bộ; người điều khiển, dẫn dắt súc vật; người đi bộ trên đường bộ.

C. Người điều khiển, người được chở trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ; người điều khiển, dẫn dắt súc vật; người đi bộ trên đường bộ.

D. Người được chở trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ; người điều khiển, dẫn dắt súc vật; người đi bộ trên đường bộ.

**Câu 7: Đường ưu tiên là loại đường nào sau đây?**

A. Đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông được các phương tiện giao thông đến từ hướng khác nhường đường khi qua nơi đường giao nhau, được cắm biển báo hiệu đường ưu tiên.

B. Đường mà trong đó phương tiện tham gia giao thông được các phương tiện giao thông đến từ hướng khác không nhường đường khi qua nơi đường giao nhau.

C. Đường mà ở đó phương tiện tham gia giao thông đi đúng làn đường theo qui định.

D. Đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông không được các phương tiện giao thông đến từ nơi khác nhường đường khi qua nơi đường giao nhau, được cắm biển báo hiệu đường ưu tiên.

**Câu 8: Có mấy dạng** **vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông?**

2 dạng

1. 3 dạng
2. 4 dạng
3. 5 dạng

**Câu 9:** **Các dấu hiệu cơ bản nào sau đây của hành vi vi phạm hành chính xảy ra trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông?**

A. Tính nguy hiểm cho xã hội.

B. Tính trái pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

C. Tính có lỗi.

D. Cả A, B, C

**Câu 10: Các dấu hiệu pháp lý nào được pháp luật qui định là tội phạm an toàn giao thông?**

A. Khách thể của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông.

B. Mặt khách quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông.

C. Mặt chủ quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông.

D. Cả A, B, C.

**Câu 11: Đấu tranh chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hoạt động của tổ chức nào sau đây?**

1. Hoạt động của các cơ chức năng có thẩm quyền theo qui định.
2. Hoạt động của Lực lượng vũ trang có thẩm quyền.
3. Hoạt động toàn xã hội.
4. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

**Câu 12: Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải có điều kiện nào sau đây?**

1. Đủ tuổi theo qui định của pháp luật.
2. Có giấy Chứng minh nhân dân.
3. Có sức khỏe, đủ tuổi, có giấy phép lái xe theo qui định của Luật giao thông đường bộ, bảo đảm điều khiển xe an toàn.
4. Đã học lái xe.

**Câu 13: Nội dung của đấu tranh chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là gì?**

1. Tuyên truyền những hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông do cá nhân, tổ chức thực hiện.
2. Phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông do cá nhân, tổ chức thực hiện.
3. Một nhiệm vụ của công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.
4. Góp phần áp dụng các biện pháp xử lý tương ứng với mức độ của các hành vi vi phạm đó, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

**Câu 14: Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là:**

1. Công cụ pháp lý để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm TTATGT.
2. Cơ sở, công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng nhà nước về bảo đảm TTATGT.
3. Cơ sở, công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm TTATGT, TTATXH.
4. Công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm TTATGT, TTATXH.

**Câu 15: Các dấu hiệu pháp lý của tội phạm an toàn giao thông:**

1. Chủ thể; Mặt khách quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông.
2. Mặt khách quan, mặt chủ quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông.
3. Chủ thể; Khách thể; Mặt khách quan, mặt chủ quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông.
4. Chủ thể của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông.

**Câu 16: Các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông là?**

1. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông
2. Xâm phạm vào những quy định của Nhà nước về an toàn giao thông mà theo quy định của Bộ Luật hình sự phải bị xử lý hình sự.
3. Do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý.
4. Do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông

**Câu 17: Vi phạm hành chính xảy ra trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là?**

1. Là hành vi trái pháp luật, do cá nhân, tổ chức thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông phải chịu trách nhiệm hành chính.
2. Là hành vi trái pháp luật, do cá nhân có năng lực trách nhiệm hành chính thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến hoạt động an toàn giao thông và theo quy định của pháp luật phải chịu trách nhiệm hành chính
3. Là hành vi trái pháp luật, do cá nhân, tổ chức có năng lực trách nhiệm hành chính thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và theo quy định của pháp luật phải chịu trách nhiệm hành chính.
4. Là hành vi do cá nhân có năng lực trách nhiệm hành chính thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và theo quy định của pháp luật phải chịu trách nhiệm hành chính.

**Câu 18: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong nhà trường là trách nhiệm của?**

1. Nhà trường.
2. Nhà trường và sinh viên.
3. Sinh viên.
4. Không phải trách nhiệm của Nhà trường và sinh viên.

**Bài 5: PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG**

**Câu 1: Dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người bao gồm:**

1. Khách thể, khách quan của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
2. Khách thể, khách quan, chủ thể và chủ quan của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
3. Cá thể, khách quan, chủ thể và chủ quan của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
4. Chủ thể và chủ quan của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

**Câu 2: Bảo vệ con người trước hết là:**

1. Bảo vệ tính mạng, sức khỏe con người có ý nghĩa vô cùng quan trọng.
2. Bảo vệ con người có ý nghĩa vô cùng quan trọng.
3. Bảo vệ tính mạng, sức khỏe, DDNP và tự do của họ, trong đó bảo vệ DDNP của con người có ý nghĩa vô cùng quan trọng.
4. Bảo vệ tính mạng và tự do của họ, trong đó con người có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

**Câu 3: Các tội mua bán người bao gồm:**

1. Tội đánh tráo người dưới 1 tuổi; Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; Tội chống đối người thi hành công vụ.
2. Tội mua bán người (chủ yếu là tội mua bán phụ nữ, trẻ em); Tội mua bán người dưới 16 tuổi; Tội đánh tráo người dưới 1 tuổi; Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người.
3. Tội mua bán người (chủ yếu là tội mua bán phụ nữ, trẻ em); Tội sử dụng người dưới 16 tuổi và mục địch khiêu dâm.
4. Tội mua bán người dưới 16 tuổi; Tội đánh tráo người dưới 1 tuổi; Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người. Tội làm tổn thương sức khỏe người khác.

**Câu 4: Các tội mua bán người bao gồm:**

1. Tội đánh tráo người dưới 1 tuổi; Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; Tội chống đối người thi hành công vụ.
2. Tội mua bán người (chủ yếu là tội mua bán phụ nữ, trẻ em); Tội mua bán người dưới 16 tuổi; Tội đánh tráo người dưới 1 tuổi; Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người.
3. Tội mua bán người (chủ yếu là tội mua bán phụ nữ, trẻ em); Tội sử dụng người dưới 16 tuổi và mục đích khiêu dâm.
4. Tội mua bán người dưới 16 tuổi; Tội đánh tráo người dưới 1 tuổi; Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người. Tội làm tổn thương sức khỏe người khác.

**Câu 5: Một trong những công cụ hữ hiện để ghi nhận, củng cố, bảo vệ quyền con người là:**

1. Tính ngưỡng
2. Sức khỏe
3. Tự do
4. Pháp luật

**Câu 6: Danh dự và nhân phẩm là hai khái niệm luôn có mối quan hệ như thế nào?**

1. Có mối quan hệ quy định lẫn nhau
2. Danh dự quyết định nhân phẩm
3. Nhân phẩm quyết định danh dự và chi phối danh dự
4. Có mối quan hệ chặt chẽ với nhau

**Câu 7: Nhân phẩm của mỗi cá nhân được đánh giá trên cơ sở:**

1. Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín được ghi nhận.
2. Những chuẩn mực chung của xã hội đối với mỗi người.
3. Sự tích lũy cá nhân và những chuẩn mực chung của xã hội.
4. Sự tích lũy cá nhân của mỗi con người đối với xã hội.

**Câu 8: Một trong những dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là:**

1. Cụ thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
2. Tập thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người
3. Cá thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
4. Khách thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

**Câu 9: Một trong những dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là:**

1. Tập thể của các tội phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
2. Cá nhân của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
3. Cá thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
4. Mặt khách quan của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

**Câu 10: Hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người là:**

1. Sự đánh giá sai sự thật không phụ thuộc và việc người đưa ra những tin tức đó vô tình hay cố ý.
2. Là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự.
3. Làm cho người đó bị xúc phạm, tổn thương về tinh thần và xấu hổ đối với những người xung quanh trong xã hội.
4. Là phẩm chất, giá trị của một con người cụ thể và được pháp luật bảo vệ.

**Câu 11: Các loại tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm gồm:**

1. Các tội xâm phạm tình dục, tội mua bán chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người.
2. Các tội làm nhục người khác.
3. Các tội xâm phạm tình dục, các tội mua bán người, các tội làm nhục người khác.
4. Các tội mua bán người, tội đánh tráo người dưới 1 tuổi hoặc chiếm đoạt trẻ em.

**Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng**

**Câu 1: Một trong những cuộc tấn công mạng nổi bật ở Việt Nam năm 2016:**

1. Mã độc và Internet of Things (IoT)
2. Tấn công vào trung tâm dữ liệu của VCCorp
3. Là cuộc tấn công mạng vào một số màn hình hiển thị thông tin chuyến bay tại khu vực làm thủ tục chuyến bay của các sân bay quốc tế.
4. Mã độc tống tiền (ransomware)

**Câu 2: Thông tin là gì?**

1. Là sự phản ánh của tự nhiên và xã hội bằng ngôn từ, ký hiệu, hình ảnh.
2. Là sự phản ánh về một đối tượng trong quá trình hoạt động thực tiễn.
3. Là sự phản ánh thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy của con người.
4. Là sự phản ánh thế giới khách quan của con người trong quá trình hoạt động.

**Câu 3: Khái niệm an ninh mạng:**

1. An ninh mạng là an toàn kỹ thuật cho các hoạt động duy trì các tính chất bí mật, toàn vẹn, sẵn sàng của thông tin trong lưu trữ, xử lý và truyền dẫn trên mạng
2. An ninh mạng là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân
3. An ninh mạng là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng sẵn sàng của thông tin trong lưu trữ, xử lý và truyền dẫn trên mạng
4. An ninh mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép

**Câu 4: Khái niệm An toàn thông tin mạng:**

1. An toàn thông tin là an toàn kỹ thuật cho các hoạt động của các cơ sở hạ tầng thông tin, trong đó bao gồm an toàn phần cứng và phần mềm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật do Nhà nước ban hành
2. An toàn thông tin là an toàn kỹ thuật cho các hoạt động duy trì các tính chất bí mật, toàn vẹn, sẵn sàng của thông tin trong lưu trữ, xử lý và truyền dẫn trên mạng
3. An toàn thông tin mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn
4. An toàn thông tin mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin

**Câu 5: Luật An toàn thông tin mạng có hiệu lực thi hành từ:**

1. Ngày 07 tháng 01 năm 2015
2. Ngày 01 tháng 07 năm 2015
3. Ngày 07 tháng 01 năm 2016.
4. Ngày 01 tháng 07 năm 2016

**Câu 6: Khái niệm an toàn thông tin:**

1. An toàn thông tin mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng
2. An toàn thông tin là an toàn kỹ thuật cho các hoạt động của các cơ sở hạ tầng thông tin, trong đó bao gồm an toàn phần cứng và phần mềm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật do Nhà nước ban hành; duy trì các tính chất bí mật, toàn vẹn, sẵn sàng của thông tin trong lưu trữ, xử lý và truyền dẫn trên mạng
3. An toàn thông tin mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin
4. An toàn thông tin là an toàn kỹ thuật cho các hoạt động duy trì các tính chất bí mật, toàn vẹn, sẵn sàng của thông tin trong lưu trữ, xử lý và truyền dẫn trên mạng

**Câu 7: Thông tin trên không gian mạng có nội dung làm nhục, vu khống:**

1. Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc
2. Thông tin bịa đặt, sai sự thật về sản phẩm, hàng hóa, tiền, trái phiếu, tín phiếu, công trái, séc và các loại giấy tờ có giá trị khác
3. Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân
4. Xúc phạm nghiêm trọng danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác

**Câu 8: Hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng?**

1. Đăng tải các thông tin quảng cáo
2. Đăng tải các thông tin độc hại vi phạm an ninh quốc gia
3. Chia sẻ thông tin hữu ích
4. Đăng tải các thông tin bán hang

**Câu 9: Thông tin trên không gian mạng có nội dung xâm phạm trật tự quản lý kinh tế:**

1. Thông tin bịa đặt, sai sự thật xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác
2. Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định về ANTT
3. Thông tin có nội dung vu khống về sản phẩm, hàng hóa, tiền, trái phiếu, tín phiếu, công trái, séc và các loại giấy tờ có giá trị khác
4. Thông tin bịa đặt, sai sự thật về sản phẩm, hàng hóa, tiền, trái phiếu, tín phiếu, công trái, séc và các loại giấy tờ có giá trị khác

**Câu 10: Nghị định 15 quy định rất cụ thể các hành vi vi phạm về chống thư rác, tin nhắn rác và cung cấp dịch vụ nội mạng mức phạt lên đến bao nhiêu?**

1. Lên đến 100 triệu đồng
2. Lên đến 80 triệu đồng
3. Lên đến 90 triệu đồng
4. Lên đến 200 triệu đồng

**Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam**

**Câu 1: “ Từ sau năm 2007, kinh tế Viêt Nam có sự bất ổn trong các biến số kinh tế vĩ mô” là mối đe dọa an ninh phi truyền thống nào?**

1. Mối đe dọa từ biến đổi khí hậu toàn cầu
2. Mối đe dọa từ an ninh xã hội
3. Mối đe dọa từ an ninh kinh tế
4. Mối đe dọa từ an ninh thông tin

**Câu 2: Đối với Việt Nam, nguy cơ xung đột và chiến tranh từ tác động của an ninh phi truyền thống có thể …**

1. Ít xảy ra
2. Không xảy ra
3. Luôn xảy ra
4. Sẽ xảy ra

**Câu 3: Sự khác nhau giữa an ninh phi truyền thống với an ninh truyền thống?**

1. An ninh phi truyền thống không có dấu hiệu tội phạm.
2. An ninh phi truyền thống không có dấu hiệu đấu tranh quân sự.
3. An ninh phi truyền thống có dấu hiệu của tội phạm.
4. An ninh phi truyền thống có dấu hiệu đấu tranh quân sự.

**Câu 4: “Nạn khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép” là mối đe dọa an ninh phi truyền thống nào?**

1. Mối đe dọa từ an ninh môi trường
2. Mối đe dọa từ an ninh xã hội
3. Mối đe dọa từ an ninh thông tin
4. Mối đe dọa từ an ninh kinh tế

**Câu 5: “ Lượng mưa có xu hướng biến động thất thường” là mối đe dọa an ninh phi truyền thống nào?**

1. Mối đe dọa từ an ninh thông tin
2. Mối đe dọa từ biến đổi khí hậu toàn cầu
3. Mối đe dọa từ an ninh xã hội
4. Mối đe dọa từ an ninh kinh tế

**Câu 6: Một trong các bối cảnh nảy sinh của an ninh phi truyền thống?**

1. Sự biến đổi của cục diện quốc tế trong chiến tranh lạnh
2. Sự biến đổi của cục diện quốc tế trước chiến tranh lạnh.
3. Sự biến đổi của cục diện quốc tế sau chiến tranh lạnh.
4. Sự biến đổi của cục diện trong khu vực sau chiến tranh lạnh.

**Câu 7: Một trong các giải pháp ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam?**

1. Nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.
2. Nâng cao nhận thức của toàn quân về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.
3. Nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống.
4. Nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và của toàn dân về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

**Câu 8: Đâu không phải là vấn đề được đề cập an ninh phi truyền?**

1. Biến đổi khí hậu, thảm họa thiên tai
2. Chiến tranh công nghệ cao
3. Ô nhiễm môi trường, dịch bệnh
4. Cạn kiệt tài nguyên

**Câu 9: Một trong các đặc điểm của an ninh phi truyền thống?**

1. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống chỉ có phi bạo lực.
2. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống chỉ có bạo lực.
3. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không hình thành bạo lực và phi bạo lực.
4. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống gồm hai loại là có bạo lực và phi bạo lực.

**Câu 10: Hiện nay, việc ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ xung đột và chiến tranh với nhiều quốc gia thực chất là …**

1. Ngăn chặn, đối phó với chạy đua vũ trang
2. Lợi ích kinh tế
3. Tranh giành quyền lực
4. Ngăn chặn, đối phó với các thách thức ANPTT